

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày 03/9/2020

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hậu và bà Chế Thị Mai

Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Lê Uyên Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số D, đường N, phường S, quận X, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro. Địa chỉ: Số M, đường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Văn bản ủy quyền số 04/2020/GUQ-CNKT ngày 02/01/2020). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Phạm Thùy D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số A, đường L, phường Q, Tp K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2020 và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Huỳnh Phạm Thùy D và có ký kết với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 966570 ngày 05/9/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Huỳnh Phạm Thùy D, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà D với hạn mức 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi

suất 2,5%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ, bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.681.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi một ngàn đồng*). Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà Huỳnh Phạm Thùy D đã thanh toán từng đợt cho Ngân hàng với tổng số tiền là 6.227.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn đồng*). Ngày 01/02/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm cuối kỳ là 9.298.573 đồng sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn là 3,8%/tháng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Phạm Thùy D phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 03/9/2020 là 16.051.536 đồng (*Mười sáu triệu không trăm năm mươi một ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó tiền gốc là: 9.298.573 đồng (*Chín triệu hai trăm chín mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi ba đồng*) và tiền lãi quá hạn là 6.752.963 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng*) và tiền lãi phát sinh sau ngày 03/9/2020 cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Phạm Thùy D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K đã thực hiện các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để bị đơn biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà D không có ý kiến trả lời về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà D không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án về việc tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn nêu ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Huỳnh Phạm

Thùy D đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Huỳnh Phạm Thùy D phải trả số tiền tạm tính đến ngày 03/9/2020 là 16.051.536 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm năm mươi một ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó tiền gốc là: 9.298.573 đồng (*Chín triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm bảy mươi ba đồng*) và tiền lãi quá hạn là 6.752.963 đồng (*Sáu triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi ba đồng*) và tiền lãi chậm trả kể từ sau ngày 03/9/2020 theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn chị Huỳnh Phạm Thùy D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, đã biết việc khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S nhưng không đến Tòa án làm việc được. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án và bà Dung phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Xét thấy, việc ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 966570 ngày 05/9/2017 giữa nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S với bị đơn bà Huỳnh Phạm Thùy D để ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà D với hạn mức 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã thực hiện được một phần của hợp đồng đã sử dụng thẻ tín dụng, sau đó đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký nên ngân hàng đã khởi kiện bà D là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu nêu trên của ngân hàng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 1 điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016, thì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính được là: $16.051.536 \times 5\% = 802.576$ đồng (*Tám trăm linh hai ngàn năm trăm bảy mươi sáu đồng*); nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6, khoản 1 điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Huỳnh Phạm Thùy D về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

Buộc bà Huỳnh Phạm Thùy D phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 03/9/2020 là 16.051.536 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm năm mươi một ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó tiền gốc là: 9.298.573 đồng (*Chín triệu hai trăm chín mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi ba đồng*) và tiền lãi quá hạn là 6.752.963 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng*) và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 04/9/2020 với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Phạm Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 802.576 đồng (*Tám trăm linh hai ngàn, năm trăm bảy mươi sáu đồng*);

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 351.891 đồng (*Ba trăm năm mươi một ngàn, tám trăm chín mươi một đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0003458 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03 tháng 9 năm 2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung

